

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016 KHOA MÔI TRƯỜNG

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1: Về nhân lực khoa học

a. Tổng số cán bộ: 33 người trong đó gồm: 03 PGS.TS, 04 TS, 08 NCS và 18 ThS. Hiện có 01 GV.ThS đang NCS tại Mỹ; 01 GV. ThS đang học NCS tại Nga, 01 ThS đang học NCS tại Nhật Bản, 02 cán bộ đã hoàn thành học cao học tại Pháp.

b- Số cán bộ tham gia hoạt động KHCN (không tính những CB đang học nước ngoài): 29/30, trong đó:

- Thực hiện đề tài, hợp đồng: 29/30
- Công bố bài báo trên tạp chí trong nước và quốc tế: 19/30
- Báo cáo khoa học tại Hội nghị, hội thảo, học thuật: 29/30

2. Về tiềm lực cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động KHCN: Khoa hiện có 01 phòng thí nghiệm Địa sinh thái - Địa Môi trường, phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ hoạt động khoa học phục vụ sản xuất.

3- Những thuận lợi và khó khăn của Khoa trong hoạt động khoa học công nghệ

Thuận lợi:

- Khoa có truyền thống và kinh nghiệm trong hoạt động KHCN phục vụ sản xuất;
- Cán bộ đều có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, rất năng động, chịu khó tìm tòi học hỏi và tìm kiếm các hợp đồng KHCN;
- Cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng trong nghiên cứu và giảng dạy;
- Cán bộ trong Khoa có khả năng và năng lực làm việc độc lập cao, có khả năng làm việc theo nhóm.

Khó khăn:

- Trang thiết bị còn thiếu thốn, hiện 2 bộ môn Kỹ thuật môi trường và bộ môn Môi trường chưa được trang bị phòng thí nghiệm, chưa đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu khoa học.
- Tiềm lực về kinh tế tài chính của Khoa và cá nhân cán bộ còn hạn chế
- Tuổi đời cán bộ trẻ nên uy tín khoa học trong và ngoài nước chưa cao.
- Trang thiết bị và cơ sở vật chất của Khoa hạn chế hoặc còn thiếu.
- Ảnh hưởng chung của nền kinh tế xã hội tác động đến các hoạt động chung về NC KHCN và tác động đến các hoạt động của Khoa

II. VỀ HOẠT ĐỘNG NCKH - TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ

1- Kết quả NCKH thực hiện các đề tài, dự án các cấp

TT	Tên đề tài, dự án; Người chủ trì	Tổng kinh phí (trđ)		Thời gian thực hiện		Kết quả đạt được, được đánh giá loại
		<i>Được giao</i>	<i>Đã thực hiện</i>	<i>Từ</i>	<i>Đến</i>	
I	Đề tài, dự án cấp Nhà nước					
1	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư: Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam. Mã số NĐT.02.GER/15	4400				
Tổng		4400				
II	Đề tài, dự án cấp Bộ (tỉnh, thành phố)					
1	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của phóng xạ đến môi trường tại một số mỏ khoáng sản và đề xuất giải pháp phòng ngừa; PGS.TS. Nguyễn Phương	750	750	2013	2015	Bảo vệ cấp cơ sở
2	Nghiên cứu biên soạn tài liệu tập huấn: Giáo dục bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản cho giảng viên các trường ĐH, CĐ có đào tạo lĩnh vực khai thác mỏ; PGS.TS. Nguyễn Phương	300	300	2015	2015	Khá
3	Nghiên cứu đánh giá thiệt hại từ rủi ro môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản khu vực Miền Trung; TS. Nguyễn Quốc Phi; Mã số: B2014-02-21.	600	105	2014	2016	Chưa bảo vệ
4	Nghiên cứu đặc điểm Địa chất thủy văn và đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến nước dưới đất vùng ven biển Bắc Bộ. Mã số: CTB-2012-02-04	600	600	1/2012	10/2015	Xuất sắc
5	“Nghiên cứu đánh giá nguy cơ trượt lở đất khu vực xã Đồng Bằng, huyện Mai	132,6	132,6	2014	12/2015	Xuất sắc

	Châu, tỉnh Hòa Bình và đề xuất các giải pháp phòng tránh” do TS. Mai Thanh Tân - Viện Địa chất, viện Khoa học và CN Việt Nam chủ trì.					
Tổng		2.382,6				
III	Đề tài cấp cơ sở					
1	Nghiên cứu áp dụng chỉ số thành tích môi trường để đánh giá khả năng phát triển bền vững khu vực Lào Cai - Yên Bái.	20	20	2015	2015	Tốt
2	Nghiên cứu chế tạo vật liệu Nano TiO ₂ biến tính nitơ bằng ure phủ trên vật liệu chất mang đá ong, sử dụng cho xử lý nước bị ô nhiễm các hợp chất hữu cơ Mã số: T15-22	40	40	1/2015	12/2015	Khá
3	Nghiên cứu mối quan hệ thủy địa hóa giữa nước biển và nước dưới đất khu vực ven biển tỉnh Thái Bình. Mã số: T15-23	30	30	1/2015	12/2015	Khá
4	Đánh giá hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng Sông Nhuệ đoạn từ Cầu Tó tới cầu Công Thần và hiệu quả của một số loài thủy sinh thực vật trong quá trình hấp thụ kim loại nặng làm sạch nước sông	40	40	4/2015	12/2015	Tốt
Tổng		130				

2- Các kết quả thực hiện các đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ

TT	Tên hợp đồng, đề tài; Người chủ trì	Năm 2015		Đã quyết toán	
		<i>Tổng kinh phí (trđ)</i>	<i>KP đã chuyển về (trđ)</i>	<i>Trưởng</i>	<i>Trung tâm</i>
1	Tham gia thi công và lập báo cáo tổng kết đề án thăm dò khoáng sản vàng khu Nậm Kha Á, xã Mù Cả - Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	623,8	200		C. Ty CODECO

TT	Tên hợp đồng, đề tài; Người chủ trì	Năm 2015		Đã quyết toán	
		<i>Tổng kinh phí (trđ)</i>	<i>KP đã chuyển về (trđ)</i>	<i>Trường</i>	<i>Trung tâm</i>
2	Tham gia thi công đề án thăm dò đá vôi Trảng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	600	600		C.Ty CODECO
3	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại Núi Dài, xã Châu Lãng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.	440	440		Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
4	Lập thiết kế cơ sở và dự án đầu tư nâng công suất khai thác từ 600.000m ³ /năm lên 1.000.000 m ³ /năm của Dự án đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại Núi Dài, xã Châu Lãng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.	300	300		Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
5	Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án nạo vét bằng đường thủy nội địa quốc gia kết hợp tận thu sản phẩm trên sông Hồng đoạn từ km 258+000 đến km 262+000, km 262+000 đến km 351+000 và từ km 468+000 đến km 536+000m.	500	450		Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
6	Nghiên cứu đánh giá trữ lượng nước khoáng Mớ Đá, Hạ Bì, Kim Bôi, Hoà Bình	498	200	Đang thực hiện,	chưa quyết toán
7	Thăm dò, đánh giá trữ lượng phục vụ xin cấp phép khai thác nước dưới khu vực Đông Mỹ, Hà Nội	497,900	199	Đang thực hiện	chưa quyết toán
8	Thăm dò khai thác nước dưới đất cho công ty TNHH Minh Cường, Đông Anh, Hà Nội.	477	149	Đang thực hiện	chưa quyết toán

TT	Tên hợp đồng, đề tài; Người chủ trì	Năm 2015		Đã quyết toán	
		<i>Tổng kinh phí (trđ)</i>	<i>KP đã chuyển về (trđ)</i>	<i>Trường</i>	<i>Trung tâm</i>
9	Một số hợp đồng quan trắc, phân tích mẫu giá trị nhỏ (chưa thống kê đầy đủ)	50	50	Đã quyết toán	
10	- Lập dự án đầu tư và thiết kế cơ sở dự án “ Đầu tư khai thác mỏ đá hoa đóc Thằng, thị trấn Yên thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường của dự án “ Đầu tư khai thác mỏ đá hoa Dốc Thằng, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	700			
11	Lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “ Đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường mỏ Xóm Máy - xã Hòa Bình - Thành phố Hòa Bình - Tỉnh Hòa Bình	440			
12	Lập thiết kế bản vẽ thi công xây dựng cơ bản và khai thác đá hoa tại khu vực Nam núi Khau Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	220			
13	Lập báo cáo ĐTM của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế biến đá vôi trắng tại thôn Khoai xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	650			
Tổng		5.996,7	2.588		

3- Đánh giá về nội dung khoa học và hiệu quả, ý nghĩa phục vụ sản xuất của các đề tài, hợp đồng: Các đề tài nghiên cứu khoa học do Khoa chủ trì và các tham gia đã hoàn thành đúng tiến độ, đạt kết quả từ khá trở lên.

4- Các hoạt động KHCN khác (tổ chức các hội thảo chuyên đề; tham gia hội nghị, hội thảo, các công trình khoa học đã công bố, ...)

4.1. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề:

TT	Tên Hội nghị, Hội thảo	Chủ trì/phối hợp/tham gia	Số cán bộ khoa học tham gia hội thảo	Kết quả, hiệu quả do hội nghị, hội thảo đem lại
1	Resources for the future - the future of resource management	Tham gia	01	
2	South East Asia Green Network meeting	Tham gia	01	
3	Water and Sustainability Research under the German-Vietnamese Cooperation under the framework of the 40 Year Jubilee Celebrations of Diplomatic Relations between Germany and Vietnam	Tham gia	01	
4	Kỷ niệm 10 năm thành lập bộ môn Địa sinh thái và CNMT	Bộ môn DST & CNMT	50	Tốt
5	Tham gia Hội thảo Câu lạc bộ các trường kỹ thuật tại TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Văn Bình	01	Tốt
6	Tham gia hội thảo khoa học tại Thái Lan	Trần Thị Thu Hương	01	Tốt
7	Tham gia hội thảo khoa học tại Đại học Huế	Phạm Khánh Huy	01	Tốt
8	Tham dự Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ V.	Tham gia	05	

4.2. Các công trình khoa học đã công bố

4.2.1. Sách, giáo trình, bài giảng:

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nơi xuất bản/ Thời gian xuất bản
1	Công nghệ wetland xử lý nước thải mở	TS. Nguyễn Hoàng Nam	Trường Đại học Mở Địa chất 2015

2	Tai biến địa chất		Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật
---	-------------------	--	---

Ngoài ra, Khoa đã hoàn thành 10 bài giảng in cấp BM (BM MTCS) phục vụ giảng dạy cho sinh viên ngành kỹ thuật môi trường. Ngoài ra, một số cán bộ trong Khoa còn tham gia cùng Bộ môn TK - TD viết giáo trình cho ngành kỹ thuật địa chất: Phương pháp thăm dò mỏ, Cơ sở địa chất và phương pháp thăm dò các mỏ than, đã xong bản thảo 03 giáo trình (MT và PTBV, Điều tra ĐCMT và TBĐC, Môi trường phóng xạ) để chuẩn bị in cấp NXB.

4.2.2. Bài báo khoa học

TT	Tên bài báo, báo cáo khoa học	Tên tác giả	Tên tạp chí/ Tên kỷ yếu	Thời gian xuất bản
I	Hội nghị quốc tế			
1	Identify Driving Force to Cause Rockmass Destruction from Fracture Distributions	Truong Thanh Phi, Quoc Phi Nguyen	Proceedings of VietRock 2015 International Symposium, Hanoi, Vietnam	2015
2	Delineate Structural Boundary from Fracture Correlation Coefficients	Truong Thanh Phi, SangGi Hwang, Quoc Phi Nguyen	Proceedings of VietRock 2015 International Symposium, Hanoi, Vietnam	2015
3	Landslide susceptibility zonation - A comparison of natural and cut 4slopes using statistical models	Quoc Phi Nguyen, TruongThanh Phi, Anh Nguyet Nguyen, Van Anh Lam	Proceedings of VietRock 2015 International Symposium, Hanoi, Vietnam	2015
4	GIS and remote sensing for geohazard assessment and environmental impact evaluation of mining activities at Quy Hop, Nghe An, Vietnam	Quoc Phi Nguyen, Phuong Nguyen, Thi Hoa Nguyen and Tien Phu Nguyen	In GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth & Allied Sciences GIS-IDEA 2014, Danang, Vietnam	2014
5	Rock slope stability analysis using block theory and probabilistic approach: An application at national road No.6, Vietnam	Quoc Phi Nguyen and Truong Thanh Phi	In GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth & Allied Sciences GIS-IDEA 2014, Danang, Vietnam	2014
6	Delination of structural domains by using fracture orientations and analyzing slope failure	Truong Thanh Phi, Quoc Phi Nguyen, SangGi Hwang	In GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth & Allied Sciences GIS-IDEA 2014, Danang, Vietnam	2014
7	A new method for predicting fracture locations at next tunnel excavation face for	Truong Thanh Phi, Sang Gi Hwang, QuocPhi Nguyen	Proceedings of the 3 rd International Conference on	2014

TT	Tên bài báo, báo cáo khoa học	Tên tác giả	Tên tạp chí/ Tên kỷ yếu	Thời gian xuất bản
	subparallel fractures to tunnel axis		Advances in Mining and Tunneling 2014, Vung Tau, Vietnam	
8	Field database system for managing data and analyzing slope stability	Truong Thanh Phi, Quoc Phi Nguyen, Dinh Tuan Nguyen	Proceedings of the 3 rd International Conference on Advances in Mining and Tunneling 2014, Vung Tau, Vietnam	2014
9	Environmental impact identification and hazard analysis of mining activities - A case study in Nghe An, Vietnam	Quoc Phi Nguyen, Phuong Dong Nguyen, Tien Phu Nguyen	International Conference on Topical Issues of Rational Use of Natural Resources, Saint Petersburg, Russia	2014
10	Quantitative landslide susceptibility mapping - A comparison of natural and cut slopes using data mining techniques	QuocPhi Nguyen, Kim Long Nguyen, Phuong Nguyen	International Conference on Topical Issues of Rational Use of Natural Resources, Saint Petersburg, Russia	2014
11	Dose response of polyvinyl alcohol films dye by salincyl yellow under gamma rays irradiation	Nguyen Van Dung, Nguyen Dinh Chau	Second International Conference Scientific Research Cooperation between Vietnam and Poland in Earth Sciences, tr.418-424	2015
12	Studies to set up analytical procedure to determine U, Th in Vietnam beach deposited mineral by using X-ray fluorescence method	Nguyen Van Dung, Doan Thanh Son	Second International Conference Scientific Research Cooperation between Vietnam and Poland in Earth Sciences, tr.418-424	2015
13	Biological Sulfate Reduction Using - Hydrogen and Methanol as Energy and Carbon Sources for treating Acid Mine Drainage	Nam, Nguyen Hoang; Chung, Tran Van	INTERNATIONAL JOURNAL OF DEVELOPMENT RESEARCH	09.2015
II	Bài báo khoa học đăng trên Tạp chí trong nước			
1	Xác lập nhóm mỏ và mạng lưới thăm dò đá hoa làm ốp lát miền Bắc Việt Nam	Nguyễn Phương và nnk	Tạp chí Công nghiệp mỏ, số 2- 2015	2015
2	Đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên đá hoa khu vực Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Nguyễn Phương và nnk	Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất. Số 47 7-2014	2014
3	Ứng dụng thử nghiệm mô hình phân bố chuẩn dự báo tài nguyên, trữ lượng các hạng	Nguyễn Phương và nnk	Tạp chí Công nghiệp mỏ, số 4- 2014	2014

TT	Tên bài báo, báo cáo khoa học	Tên tác giả	Tên tạp chí/ Tên kỷ yếu	Thời gian xuất bản
	Kaolin công nghiệp tại các mỏ thuộc tỉnh Tuyên Quang			
4	Lựa chọn mạng lưới thăm dò và phương pháp tính trữ lượng khoáng sản rắn - Lý luận và thực tiễn	Nguyễn Phương	Tạp chí Công nghiệp mỏ, số 1- 2015	2015
5	Phát triển ứng dụng phương pháp trắc đặc ảnh để tái tạo bề mặt 3 chiều (3D)	Nguyễn Quốc Phi và nnk	Tạp chí Địa chất 350, tr.60-69.	2015
6	Ứng dụng công nghệ viễn thám nghiên cứu chất lượng nước khu vực ven biển Cửa Đáy	Nguyễn Quốc Phi và nnk	Tạp chí các Khoa học Trái đất 36 tr. 352-363.	2014
7	Một số kết quả đo thể nằm khe nứt bằng ứng dụng phương pháp trắc đặc ảnh	Nguyễn Quốc Phi và nnk	Tạp chí các Khoa học Trái đất 36 tr. 383-388.	2014
8	Đặc điểm phân bố, chất lượng và định hướng sử dụng dolomite ở Việt Nam	Nguyễn Thị Cúc, Nguyễn Phương, Đỗ Văn Nhuận	Tạp chí công nghiệp mỏ, Năm thứ XXVIII số 3	2014
9	Xác lập chỉ tiêu tính trữ lượng quặng có thu hồi thành phần có ích đi kèm - Ví dụ mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai	Nguyễn Phương, Nguyễn Thị Cúc, Nguyễn Thị Hằng	Kỉ niệm 50 năm thành lập Viện Địa chất và khoáng sản Việt Nam đăng Quyền địa chất và khoáng sản tập 11 năm 2015	2015
10	Đặc điểm tương đá các thành tạo trầm tích tầng mặt tuổi Pleistocen muộn - Holocen khu vực Ninh Bình	Đỗ Văn Nhuận & nnk	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất, số 51.	2015
11	Một số phương pháp phân tích kinh tế trong biến đổi khí hậu	Nguyễn Phương, Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Phương Đông	Tạp chí khoa học kỹ thuật mỏ - địa chất, số 50/4-2015	2015
12	Đánh giá mức độ ô nhiễm không khí vùng đô thị và khu công nghiệp tỉnh Lào Cai theo chỉ số chất lượng không khí (AQI)	Nguyễn Văn Dũng, Vũ Thị Lan Anh	Tạp chí khoa học kỹ thuật mỏ - địa chất, số 51/7-2015	2015
13	EFFICIENCY OF REMOVING NH_4^+ , NO_3^- , NO_2^- IN ACID MINE DRAINAGE IN MAO KHE OF THE SYSTEM COMBINING LIMESTONE, SAWDUST AND MICROORGANISM	Nam, Nguyen Hoang; Dung, Cong Tien	Vietnam Journal of Science and Technology	12.2015
14	CREATING NITROGEN MODIFIED TiO_2 NANO MATERIAL BY UREA COVERED ON LATERITE APPLYING TO TREAT	Nam, Nguyen Hoang et al.	Tạp chí Đại học Sư Phạm Hà Nội	01.2016

TT	Tên bài báo, báo cáo khoa học	Tên tác giả	Tên tạp chí/ Tên kỷ yếu	Thời gian xuất bản
	ORGANIC COMPOUND AND BACTERIA IN THE OUTFLOW OF BIOLOGICAL TREATSYSTEM			
III	Báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo			
1	Nước thải từ mỏ Cromit Cổ Định và vấn đề an toàn nước ngầm cho dân sinh khu vực	Đỗ Văn Bình	Kỷ yếu 10 năm thành lập bộ môn ĐST và CNMT	2015
2	Tài nguyên nước ngầm tỉnh Hải Dương và vấn đề khai thác sử dụng hợp lý	Đỗ Văn Bình	Kỷ yếu Hội thảo CLB khoa học- công nghệ các trường đại học kỹ thuật lần thứ 46 tại Hải Dương, trang 211-224	3/2015
3	Cần sớm khai thác sử dụng nguồn nước khoáng nóng quý giá phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên đảo Cát Bà	Đỗ Văn Bình	Kỷ yếu Hội thảo CLB khoa học- công nghệ các trường đại học kỹ thuật lần thứ 47 tại TP Hồ Chí Minh, trang 49-58	11/2015
4	Một vài vấn đề về môi trường các mỏ khai thác đá tỉnh Hà Nam	Trần Thị Kim Hà	nt	nt
5	Ứng dụng nguyên tố đất hiếm trong cuộc sống và tiềm năng thu hồi kim loại đất hiếm từ chất thải điện tử tại Việt Nam.	Phạm Khánh Huy	nt	nt
6	Mô phỏng đánh giá ngập lụt công trình xây dựng thủy điện Nậm Xây Luông, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Quang Minh	nt	nt
7	Bước đầu nghiên cứu chế tạo vật liệu nano đồng bằng phương pháp polyol để xử lý vi khuẩn lam Mycrosystin aeruginosa.	Trần Thị Thu Hương	nt	nt
8	Đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải sản xuất ở mỏ than 618 (Đông Triều)	Nguyễn Mai Hoa	nt	nt
9	Nguyên cứu xác định nguyên nhân sự cố sụt lún tại xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	Đỗ Cao Cường	nt	nt
10	Đánh giá nguy cơ xói lở đường bờ tại khu vực ven biển huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Trần Hồng Hà	nt	nt
11	Bài báo “Nghiên cứu mối quan hệ giữa mực nước sông và	Trần Thị Thanh Thủy	nt	nt

TT	Tên bài báo, báo cáo khoa học	Tên tác giả	Tên tạp chí/ Tên kỷ yếu	Thời gian xuất bản
	nước biển với mực nước dưới đất tỉnh Thái Bình”			
12	Khả năng cải thiện chất lượng nước sông Nhuệ bằng cây thủy trúc (Cyperus alterfolious) sông Nhuệ	Vũ Thị Phương Thảo	nt	nt
13	Đánh giá hiện trạng xả thải vào nguồn nước trên ndịa bàn tỉnh Thái Bình	Đỗ Thị Hải	nt	nt
14	Đánh giá hiện trạng môi trường không khí tại một số khai trường khai thác than thành phố Hạ Long và biện pháp giảm thiểu	Nguyễn Phương, Nguyễn Thị Cúc, Hạ Quang Hưng và nnk	Hội nghị khoa học lần thứ 21, trường ĐH Mỏ - Địa chất	2014
15	Đặc điểm chất lượng đá carbonat tỉnh Hà Nam và định hướng sử dụng;	Nguyễn Thị Cúc, Nguyễn Phương, Nguyễn Xuân Ân	Hội nghị khoa học lần thứ 21, trường ĐH Mỏ - Địa chất	2014
16	Hạch toán giá trị tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Thanh Hóa cho mục tiêu phát triển bền vững.	Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Phương và nnk	Hội thảo các trường Đại học kỹ thuật	2014
17	Đánh giá hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường cho một số tỉnh đồng bằng Sông Hồng và một số tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam	Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Phương, Phan Thị Mai Hoa và nnk	HNKH lần thứ 21 - Trường Đại học Mỏ - Địa chất	2014
18	Nghiên cứu áp dụng phương pháp kỹ thuật Detector vết hạt nhân xác định nồng độ khí Radon và Tholron trong nhà dân sinh sống xung quanh khu vực mỏ đất hiếm Nậm Xe, Lai Châu. Từ đó xác định mức độ ảnh hưởng của khí phóng xạ đến môi trường nghiên cứu.	Nguyễn Văn Dũng, Phan Thị Mai Hoa, Vũ Thị Lan Anh và nnk	Hội nghị khoa học và công nghệ lần thứ 2 - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM	2014
19	Khả năng ứng dụng công nghệ bức xạ ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Nguyễn Phương, Vũ Thị Lan Anh và nnk	HNKH lần thứ 21 - Trường Đại học Mỏ - Địa chất	2014
20	Đánh giá nguy cơ tổn thương môi trường khu vực ven biển thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Quốc Phi, Đỗ Văn Nhuận và nnk	Kỷ yếu Hội thảo Câu lạc bộ các trường đại học khoa học kỹ thuật lần thứ 44, Đà Nẵng tr. 90-97	2014
21	Nghiên cứu đánh giá chất lượng nước mặt khu vực ven biển Cửa Đáy ứng dụng công	Nguyễn Quốc Phi & nnk	Kỷ yếu Hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc 2014, NXB ĐH Cần	2014

TT	Tên bài báo, báo cáo khoa học	Tên tác giả	Tên tạp chí/ Tên kỷ yếu	Thời gian xuất bản
	nghệ viễn thám		Thơ tr.633-643.	
22	Nguy cơ tai biến môi trường do các hoạt động khai thác khoáng sản vùng Quỳ Hợp, Nghệ An	Nguyễn Quốc Phi và nnk.	Tuyển tập Báo cáo Hội nghị khoa học Địa chất và tài nguyên Việt Nam, Hà Nội, tr.281-288.	2015
23	Nghiên cứu nguy cơ xói lở bờ biển tại khu vực từ Thị xã Sầm Sơn đến huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Quốc Phi và nnk.	Kỷ yếu Hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc 2015, Hà Nội, tr.187-192.	2015
24	Phát triển phương pháp xác định các tham số hình học trên ảnh số và một số kết quả ứng dụng trong khảo sát địa chất	Nguyễn Quốc Phi và nnk.	Kỷ yếu Hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc 2015, Hà Nội, tr.602-605.	2015
25	Đánh giá nguy cơ xói lở đường bờ tại khu vực ven biển huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Nguyễn Quốc Phi và nnk.	Hội thảo kỷ niệm 10 năm thành lập Bộ môn Địa sinh thái và CNMT, ĐH Mỏ - Địa chất, Hà Nội, p.73-83	2015
26	Mô phỏng đánh giá ngập lụt công trình xây dựng thủy điện Nam Xây Luông, Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Quốc Phi và nnk.	Hội thảo kỷ niệm 10 năm thành lập Bộ môn Địa sinh thái và CNMT, ĐH Mỏ - Địa chất, Hà Nội, tr.101-108.	2015
27	Sustainable mining and using the potential rare earth deposit in North-West Vietnam - A cooperative research project between Vietnam and Germany	Phan Q.V, Nguyen P., Andreas Klossek, Jens Gutzmer, Robert Moekel et al.		
28	ICZM Vietnam: Activities and Planning	Phan Q. V., Hua C. Th.		
29	Towards the sustainable utilization of rare earth resources of Nam Xe deposit in Lai Chau province, Vietnam - A cooperative research project between Vietnam and Germany	Phan Q. V.		

III. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO (đại học, cao học, nghiên cứu sinh)

	Tên luận văn, luận án	Tên học viên cao học, NCS/CBHD	Sản phẩm đề tài KHCN, mã số	Ghi chú
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học thực tiễn xác định ngưỡng khai thác tầng	Hoàng Đức Hiếu GVHD:	Luận văn cao học	Đã bảo vệ

	chứa nước pliocen (n) tỉnh Long An	TS. Nguyễn Hoàng Nam		6/2015
2	NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ Cu^{2+} CÓ TRONG NƯỚC THẢI BẰNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC	Trần Thị Duy Ly GVHD: TS. Nguyễn Hoàng Nam PGS. TS. Trần Hồng Vân	60.44.01.18	
3	NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH CÁC DẠNG ANTIMON SỬ DỤNG KỸ THUẬT CHIẾT PHA RẮN VÀ PHỔ HẤP THỤ NGUYÊN TỬ - HIDRUA HÓA	Nguyễn Thị Ngọc Anh GVHD: TS. Nguyễn Hoàng Nam PGS.TS. Tạ Thị Thảo	60440118	

IV. CÁC KẾT QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Bộ môn MTCS: Tham gia 01 dự án “Nghiên cứu ảnh hưởng của địa chất, địa mạo, địa chất thủy văn và vỏ phong hóa đến trượt lở ở thị xã Bắc Kạn (tỷ lệ: 1/10.000)” thuộc chương trình “*Tăng cường năng lực giảm thiểu và thích ứng với địa tai biến liên quan đến môi trường và phát triển năng lượng ở Việt Nam*” hợp tác giữa Đại học Quốc gia Hà Nội và Bộ Ngoại giao Vương quốc Na Uy;

Bộ môn ĐST & CNMT: Trong năm vừa qua bộ môn đã có làm việc với 02 đoàn chuyên gia quốc tế là Đức và Nhật Bản, với các nội dung trao đổi về các vấn đề về tài nguyên môi trường Việt Nam khu vực tỉnh Hoà Bình. Đã tham gia giảng và giới thiệu chuyên đề về môi trường trong khai thác mỏ ở Việt Nam cho đoàn học viên cao học Nhật Bản.

Bộ môn KTMT: Được giao chủ trì Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư Việt Nam - Cộng hòa liên bang Đức, thực hiện trong thời gian từ 2015 đến 2018.

Tham gia các hoạt động và xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chức môi trường xanh khu vực đông nam á do Tổ chức hợp tác quốc tế Đức bảo trợ.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA KHOA VỀ HOẠT ĐỘNG KHCN (*kết quả, hiệu quả*)

Các hoạt động khoa học và công nghệ của Khoa trong năm 2015 đã đạt được kết quả tốt. Một số cán bộ của Khoa có các hoạt động hiệu quả trong hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

VI. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016 (*đề tài NCKH, hợp đồng lao động sản xuất, hoạt động của các PTN tăng cường năng lực nghiên cứu, hội thảo, hội nghị, hợp tác quốc tế về NCKH, ...*)

- + Tổ chức hội thảo học thuật tại Bộ môn định kỳ hàng tháng: thực hiện đều đặn.
 - + Triển khai 01 nhiệm vụ cấp Nhà nước.
 - + Chủ trì 03 đề tài cấp cơ sở.
 - + Tăng cường hợp tác khoa học với các đơn vị, các nhà khoa học trong và ngoài nước.
- Tham gia hội thảo tại CH Pháp (Vũ Thị Phương Thảo) và CHLB Đức (Phạm Khánh Huy), Vương quốc Thái Lan (Đỗ Văn Bình), CHLB Đức (Nguyễn Phương, Phan Quang Văn).
- + Tăng cường các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất.

+ Tiếp tục xây dựng hoàn thiện dự án phòng thí nghiệm DST & CNMT.

+ Tiếp tục triển khai thủ tục xin mở PTN cho 2 BM còn lại.

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Giai đoạn 2016-2020, Khoa Môi trường tập trung vào các hướng nghiên cứu chính sau:

- 1) Xây dựng và đánh giá môi trường chiến lược trong các dự án trọng điểm mà nhà nước đang quan tâm.
 - Quan trắc đánh giá tác động môi trường chiến lược nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận; Xây dựng các dự án phòng ngừa khi nhà máy đi vào hoạt động trong giai đoạn tương lai.
 - Đánh giá khai thác khoáng sản Than ở vùng Hạ Long dẫn đến sự bồi đắp Vịnh Hạ Long bằng phương pháp thủy văn đồng vị C¹⁴.
 - Đánh giá sự ô nhiễm CN trong đất và nước ở những vùng khai thác Vàng ở miền Bắc Việt Nam và đề xuất phương pháp thu hồi và xử lý tác hại đến môi trường.
- 2) Nghiên cứu môi trường trong khai thác khoáng sản
 - Nghiên cứu phát triển mô hình dự báo và giải pháp phòng tránh, xử lý ô nhiễm do sự tự cháy của than.
 - Nghiên cứu mô hình dự báo và phát triển phương pháp phòng tránh sụt lún bề mặt trong khai thác mỏ than hầm lò.
 - Nghiên cứu mức độ ô nhiễm và phát triển các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm trong khai thác nước ngầm.
- 3) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong xử lý môi trường
 - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý bậc cao (màng lọc hoạt tính - active membrane, oxy hóa nâng cao...) nhằm tái sử dụng nước.
 - Phát triển, cải tiến quy trình công nghệ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ô nhiễm trong quá trình vận hành sản xuất ở các nhà máy, xí nghiệp công nghệ.
 - Nghiên cứu xử lý các độc chất khó phân hủy trong môi trường đất, nước mặt, nước ngầm.
 - Nghiên cứu phát triển các giải pháp xử lý ô nhiễm dầu tràn trên biển và ven bờ.
 - Nghiên cứu công nghệ phù hợp, kinh tế cho xử lý môi trường tại các vùng nông thôn, làng nghề.
 - Xây dựng quy trình công nghệ xử lý, chôn lấp chất thải phóng xạ.
- 4) Ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên và đánh giá tai biến môi trường
 - GIS và viễn thám nghiên cứu môi trường và tai biến địa chất.
 - Khảo sát, nghiên cứu trượt lở và các dạng tai biến địa chất.
 - Phát triển hệ thống khảo sát thực địa, hệ thống thông tin địa chất, môi trường.
 - Ứng dụng các phương pháp khai thác dữ liệu (data mining) và học máy (machine learning) trong nghiên cứu môi trường và tai biến địa chất.

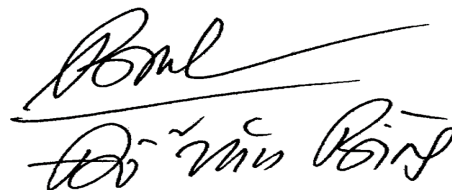
Trong giai đoạn 2016-2020, Khoa sẽ cố gắng chủ trì từ 8-10 đề tài cấp cơ sở, Chủ trì 04-05 đề tài cấp cấp Bộ hoặc Nhà nước, Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí cấp trường, quốc tế, hội thảo trong nước và quốc tế từ 25 đến 30 bài báo.

VIII. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Nhanh chóng xây dựng phòng thí nghiệm đạt chuẩn ngành Kỹ thuật Môi trường.
- Xây dựng các bãi thực tập cho sinh viên ngành kỹ thuật môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp đang phát triển.

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2016

TRƯỞNG KHOA



Đỗ Văn Bình

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2016
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017**
KHOA: MÔI TRƯỜNG

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Về Nhân lực khoa học (không kể cán bộ đi học nước ngoài)

a- Tổng số cán bộ: 30 người, trong đó:

GS.TS:0

PGS.TS:3

TS:4

ThS:24

Trình độ khác:8 NCS

b- Số cán bộ tham gia hoạt động KHCN: 30 người/tổng số, trong đó:

- Thực hiện đề tài, hợp đồng: 30/30 người/tổng số;

- Công bố bài báo trên tạp chí trong nước và quốc tế: 29/30 người/tổng số;

- Báo cáo khoa học tại Hội nghị, hội thảo, học thuật: 30/30 người/tổng số.

2. Về tiềm lực cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động KHCN:

Khoa hiện có 01 phòng thí nghiệm Địa sinh thái –Địa Môi trường (tại tầng 3 nhà B2) phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, có truyền thống và kinh nghiệm trong hoạt động KHCN phục vụ sản xuất. Cán bộ đều có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, rất năng động, chịu khó tìm tòi học hỏi và tìm kiếm các hợp đồng KHCN, cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng trong nghiên cứu và giảng

IV. VỀ HOẠT ĐỘNG NCKH - TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ

1- Kết quả NCKH thực hiện các đề tài, dự án các cấp

TT	Tên đề tài, dự án/mã số	Chủ trì/ tham gia	Tổng kinh phí (trđ)		Thời gian thực hiện		Kết quả đạt được, được đánh giá loại ...
			Được giao	Đã thực hiện	Từ	Đến	
I	Đề tài, dự án cấp Nhà nước						
1	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư: Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam. Mã số NĐT.02.GER/15	Chủ trì	1,88 tỷ		2015	2018	Đạt yêu cầu
2	Quy hoạch thăm dò,	Tham gia	60	60	6/2016	10/2016	

	khai thác, chế biến và sử dụng nước khoáng, nước nóng thiên nhiên Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, do Bộ công thương chủ trì	Đỗ Văn Bình					
3	Nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm xây dựng hướng dẫn kỹ thuật lập đề án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiện và hầm lò ở Việt Nam, do Tổng cục môi trường chủ trì	Tham gia: Đỗ Văn Bình	113	113	3/2016	9/2016	
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động các hồ thủy điện đến chế độ thủy văn sông Hồng khu vực Sơn Tây - Gia Lâm, do Viện Địa chất và Địa vật lý biển chủ trì	Tham gia: Đỗ Văn Bình	30	30	3/2016	9/2016	
	Tổng		2,083tỷ				
II	Đề tài, dự án cấp Bộ (tỉnh, thành phố)						
1	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của phóng xạ đến môi trường tại một số mỏ khoáng sản và đề xuất giải pháp phòng ngừa. Mã số B2013-02-15	Chủ trì	750	750	2013	2016	Tốt
2	Nghiên cứu đánh giá thiệt hại từ rủi ro môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản khu vực miền trung B2014-02-21	Chủ trì	600	600	2014	2016	Đang thực hiện
3	Đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên đá vôi, titan, sắt laterit Việt Nam và định hướng sử dụng hợp lý	Tham gia	175	175	2016	2016	Đạt
4	Nghiên cứu đánh giá thiệt hại từ rủi ro môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản khu vực miền trung Mã số: B2014-02-21	Tham gia	600		2014	2016	
5	Nghiên cứu chế tạo và sử dụng một số vật liệu	Chủ trì: Trần Thị					

	nano (Ag, Cu, TiO ₂) để xử lý bùng phát vi khuẩn lam trong các thủy vực nước ngọt	Thu Hương					
III	Đề tài cấp cơ sở						
1	Nghiên cứu mô hình CTRAN/W mô phỏng quá trình phát tán một số chất gây ô nhiễm môi trường tại các bãi thải mỏ do hoạt động khai thác khoáng sản kim loại ở Quỳnh Hợp, Nghệ An Mã số: T16-20	Chủ trì: ThS. Nguyễn Thị Hòa Tham gia: TS. Nguyễn Quốc Phi ThS. Nguyễn Thị Hồng	50	50	1/2016	12/2016	Tốt
2	Nghiên cứu thành phần, tính chất nguyên tố kim loại đất hiếm trong chất thải thiết bị điện, điện tử và đề xuất phương pháp thu hồi kim loại đất hiếm	Phạm Khánh Huy, Trần Thị Thanh Thủy, Nguyễn Mai Hoa, Đỗ Cao Cường, Trần Hồng Hà	50	50	1/2016	12/2016	khá
Tổng			100				

2- Các kết quả thực hiện các đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ phục vụ doanh nghiệp, địa phương

TT	Tên hợp đồng, đề tài	Chủ trì/ tham gia	Năm 2016		Đã quyết toán	
			<i>Tổng kinh phí (trđ)</i>	<i>KP đã chuyển về (trđ)</i>	<i>Trườn g</i>	<i>Trung tâm</i>
1	Dự án nạo vét luồng đường thủy nội địa quốc gia kết hợp tận thu sản phẩm trên sông Hồng đoạn từ km 258+000 đến km262+000; km262+000 đến km351+000 và từ km 468+000 đến km536+000	Chủ trì	500	500		Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
2	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo phục hồi môi trường mỏ đá ốp lát Núi Gió xã Phước Minh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	Chủ trì	200	120		Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường

3	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các công trình đảm bảo nguồn nước tưới tiêu khu vực phía Đông thị xã Đông Triều	Chủ trì	353	247		Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
4	Thi công và lập báo cáo tổng kết đề án thăm dò khoáng sản vàng khu vực Nậm Kha Á, xã Mù Cả - xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Chủ trì	6238	600		C. Ty CODE CO
Tổng			7291	1467		

3. Đánh giá về chất lượng khoa học và hiệu quả, ý nghĩa phục vụ sản xuất của các đề tài, hợp đồng

Tất cả các đề tài đã hoàn thành đúng tiến độ, đạt kết quả từ khá trở lên.

4. Các hoạt động KHCN khác (tổ chức các hội thảo chuyên đề; tham gia hội nghị, hội thảo, các công trình khoa học đã công bố, ...)

4.1. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề

TT	Tên Hội nghị, Hội thảo	Chủ trì/phối hợp/tham gia	Số cán bộ khoa học tham gia hội thảo	Kết quả, hiệu quả do hội nghị, hội thảo đem lại
1	Đánh giá hiện trạng môi trường và phân tích nguy cơ xảy ra tai biến tại một số khu vực khai thác khoáng sản tại miền Trung	Chủ trì	30	Tốt
2	Đánh giá rủi ro môi trường liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tại khu vực miền Trung bằng các mô hình thống kê	Chủ trì	30	Tốt
3	Tài nguyên đất hiếm trên thế giới và hiện trạng môi trường nền mỏ đất hiếm Nậm Xe, Việt Nam	Chủ trì	109	Tốt
4	Hội thảo quốc tế về Nước dưới đất phục vụ chống hạn tại Hà Nội (ngày 5 và 6 tháng 4 năm 2016)	Tham gia	Đỗ Văn Bình	Tăng cường hiểu biết về chuyên môn
5	Hội thảo về xử lý ảnh viễn thám vì mục đích dân sự” tại Washington, Hoa Kỳ.	Tham gia	Vũ Thị Phương Thảo	Tốt
6	Hội thảo về ứng dụng tư liệu viễn thám giám sát rừng ngập mặn” tại Saitama	Tham gia	Vũ Thị Phương Thảo	Tốt
7	Advance electrochemical method for treatment and metal recycling of industrial solid waste (Đại học bách khoa Hà Nội)	Tham gia	Phạm Khánh Huy	Tốt

8	Environmental Issues in Mining and Natural Resources Development	Chủ trì và tham gia	Toàn thể Bộ môn	Tốt
9	Hội thảo quốc tế "Công nghệ và quản lý môi trường phục vụ phát triển bền vững" (ICEEM 2016 - Đại học bách khoa Hà Nội)	Tham gia	Phạm Khánh Huy	Tốt
10	Environment and Natural Resources Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật và DAAD	Tham gia	Trần thị Thu Hương	Tốt
11	Building coastal community resilience in Viet Nam (Bộ Tài nguyên và môi trường)	Tham gia	Trần Hồng Hà	Tốt

4.2. Các công trình khoa học đã công bố

4.2.1. Sách, giáo trình, bài giảng

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nơi xuất bản/ Thời gian xuất bản
1	Vi hóa sinh môi trường	Đỗ Văn Bình, Trần Thị Thu Hương	Trường ĐH Mỏ-Địa Chất

4.2.2. Bài báo khoa học

TT	Tên bài báo, báo cáo khoa học	Tên tác giả	Tên tạp chí/ Tên kỷ yếu	Thời gian xuất bản
I	Bài báo khoa học đăng trên Tạp chí nước ngoài			
1	Inhibition effect of engineered silver nanoparticles to bloom forming cyanobacteria,	Trần Thị Thu Hương	Journal Adv. Nat. Sci.: Nanosci. Nanotechnol. issue 3, volume 7	2016
2	Ảnh hưởng của vật liệu nano bạc đến sinh trưởng của bèo Lemna sp	Trần Thị Thu Hương	Tạp chí Công nghệ Sinh học, 2, (2016).	2016
II	Bài báo khoa học đăng trên Tạp chí trong nước			
1	Đánh giá ô nhiễm môi trường trong khai thác khoáng sản tại tỉnh Lào Cai.	Nguyễn Phương, Nguyễn Thị Cúc, Phan Thị Mai Hoa.	Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất, số 52	2016
2	Đánh giá tiềm năng và giá trị kinh tế tài nguyên đá vôi sản xuất xi măng tại tỉnh Ninh Bình	Nguyễn Thị Thu Hằng, PGS.TS. Nguyễn Phương, KS Lê Kim Dung, ThS Nguyễn Chí Thực, TS. Nguyễn Quốc Định	Tạp chí Công nghiệp Mỏ	2016

3	Ảnh hưởng của vật liệu nano bạc đến sinh trưởng của bèo Lemna sp	Trần Thị Thu Hương Trần Thị Kim Hà	Tạp chí Công nghệ Sinh học, 2	2016
4	Đánh giá mối quan hệ thủy lực giữa nước biển với nước dưới đất tỉnh Thái Bình	Trần Thị Thanh Thủy	Tạp chí Địa kỹ thuật, số 3	2016
5	Nanoparticles as a control for cyanobacterial bloom	Trần Thị Thu Hương	Journal.Vietnam.Environment	2016
6	CREATING NITROGEN MODIFIED TiO ₂ NANO MATERIAL BY UREA COVERED ON LATERITE APPLYING TO TREAT ORGANIC COMPOUND AND BACTERIA IN THE OUTFLOW OF BIOLOGICAL TREATSYSTEM	Nam, Nguyen Hoang et al.	Tạp chí Đại học Sư Phạm Hà Nội	01.2016
III	Báo cáo khoa học tại các Hội nghị/Hội thảo quốc tế			
1	Accounting the value of national resouces to sustainable development. Applied for Thanh Hoa province. Proceeding of the ESASGD 2016, Hanoi University of minng and Geology	Nguyen Phuong, Nguyen Phuong Dong, Vu Thi Lan Anh, Bui Thi Hue	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
2	Influence of heating degree on concentration variable of mineral compositions and heavy metals in the extracted solutions of ceramic bricks made of red mud. Proceeding of the ESASGD 2016, Hanoi University of minng and Geology	Bui Thi Hue , Nguyen Manh Khai, Nguyen Van Dung, Vu Thi Lan Anh	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
3	Impact assesment of the environmental change due to expoitation and processing minerals contaning radioactive substances. Proceeding of the ESASGD 2016,	Nguyen Van Dung	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016

	Hanoi University of Mining and Geology			
4	Studies to set up analytical procedure to determine U, Th in Vietnam beach deposited mineral by using X-ray fluorescence method. Second International Conference Scientific Research Cooperation between Vietnam and Poland in Earth Sciences	Nguyen Van Dung	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
5	Dose response of polyvinyl alcohol films dye by salicyl yellow under gamma rays irradiation. Second International Conference Scientific Research Cooperation between Vietnam and Poland in Earth Sciences		International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
6	Contaminant transport analysis of soils around ban co tailing dams at Quyhop, Nghe an		International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
7	Assessing slope failures in mountainous terrain by geology, weathering characteristics and human-induced geomorphology	Quoc Phi Nguyen, Van Nhuan Do, Minh Duc Do, Dieu Tien Bui.	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
8	Landslide hazard assessment on major routes from bao thang to lao cai city using analytic hierarchy process (ahp) method	Quoc Phi Nguyen, Hong Ha Tran, Quang Minh Nguyen	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
9	Stability analysis of slope along national highway no.6 in Mai chau, Hoa binh using block theory simulation and limit equilibrium approach	Quoc Phi Nguyen, Manh Hung Duong, Thi Kim Ngan Duong, Nguyen Dinh Tuan.	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016

10	Work geological conditions in lao cai city for forecasting of landslide risks	Duong Manh Hung, Duong Thi Kim Ngan, Nguyen Manh Tuan, Tran Hong Ha, Nguyen Van Binh, Nguyen Quoc Phi	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
11	Radon and thoron radioactivity concentrations in house area in dong pao rare earth mine, Laichau province	Nguyen Van Dung	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
12	Environmental management of mining activities in quy hop, nghe an using gis and remote sensing data	Nguyen Thi Hoa, Nguyen Phuong, Trinh Thanh, Nguyen Quoc Phi	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
13	Research on approaches to support community in safe vegetables production in Minh khai ward, north Tu liem district, Hanoi	Hoa Phan Thi Mai, Van Nhuan Do, Cuc Nguyen Thi	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
14	soil loss assessment in muong la, son la using universal soil loss equation (usle) and geographical information system (GIS)	Nguyen Thu Thuy, Nguyen Quoc Phi, Tran Anh Tuan, Nguyen Thi Anh Nguyet	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
15	Land cover change detection from spot imagery. A case study in the ninh binh province, red river delta, vietnam	Hung Ha Quang	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
16	assessment of air ollution using air quality index (aqi) in Yenbai city	Cuc Nguyen Thi , Phuong Nguyen, Hoa Phan Thi Mai	International conferences on earth sciences and sustainable Geo-resources development	2016
17	The potential of clean energy use from the hot spring sources in Vietnam	Do Van Binh, Do Thi Hai, Tran Thi Kim Ha, Tran Hong	Proceedings of the ESASGD 2016	2016

		Ha		
18	Water quality status and proposed methods to reduce the water pollution of Duong dong river, Phuquoc island, Kiengiang province	Tran Thi Kim Ha, Do Van Binh, Do Thi Hai	Proceedings of the ESASGD 2016	2016
19	Influence factors on the leaching process to recovery ND from NDFEB magnets	Pham Khanh Huy	Proceedings of the ESASGD 2016	2016
20	Study on using agricultural biomass waste for gasification technology applied in red river delta	Vu Thi Phuong Thao	Proceedings of the ESASGD 2016	2016
21	Effect of using cyperus alternifolius to improve water quality of Nhue river	Vu Thi Phuong Thao, Tran Thi Kim Ha.	Proceedings of the ESASGD 2016	2016
22	Evaluate the possibility of receiving wastewater into water resources in the red river section: from Haubong - Hahoa to Banggia - Hoaha, Phutho province	Cuong Do Cao	Proceedings of the ESASGD 2016	2016
23	A research on treating and recycling wastewater from mine tunnels at 790 coal mine, Dongbac corporation	Dang Xuan Thuong, Nguyen Mai Hoa	Proceedings of the ESASGD 2016	2016
IV	Báo cáo khoa học tại các Hội nghị/Hội thảo trong nước			
1	Xác lập chỉ tiêu tính trữ lượng quặng có thu hồi thành phần có ích đi kèm - ví dụ mỏ đồng Sin quyen, Lào Cai- Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.	Nguyễn Phương, Nguyễn Thị Cúc	Kỷ niệm 50 năm thành lập Viện Địa chất và khoáng sản	2016
2	Study electrolyte background of KCl-Acetate buffer – NH ₄ Ac for simultaneously of Zn ²⁺ , Cd ²⁺ , Cu ²⁺ , Pb ²⁺ in acid mine drainage – MaoKhe - QuangNinh by anodic stripping voltammetry at	Nguyen Hoang Nam, Nguyen Manh Ha, Nguyen Viet Hung	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Hanoi, 14 November 2016

	hanging mercury drop electrode			
3	Potential of producing hydrogen gas from straw using biotechnology to create clean energy	Nguyen Hoang Nam; Dung, Cong Tien	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Hanoi, 14 November 2016
4	A Study on Treating Oily Wastewater From Car Wash Service Station by Using Coagulation Method	Do Khac Uan, Nguyen Hoang Nam	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Hanoi, 14 November 2016
5	The root surface as the definitive detail for microbial transformation processes in constructed wetlands – a biofilm characteristic	Nam, Nguyen Hoang, Peter Kuschik	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Hanoi, 14 November 2016
6	Contaminant transport analysis of soils around ban co tailing dams at Quyhop, Nghe an	Nguyen Thi Hoa, Trinh Thanh, Nguyen Quoc Phi, Nguyen Phuong	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Năm 2016
7	Current environmental status related to mining activities in Thach ha-Camxuyen, Hatinh coastal region	Nguyen Thi Hoa, Trinh Thanh, Nguyen Quoc Phi, Nguyen Phuong	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Năm 2016
8	Environmental management of mining activities in quy hop, nghe an using gis and remote sensing data	Nguyen Thi Hoa, Trinh Thanh, Nguyen Quoc Phi, Nguyen Phuong	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Năm 2016
9	Some results of research on the geological characters and actual state of radioactive degree in Nam xe rare earth deposit, Laichau, Vietnam	Tran Thi Ngoc, Trinh Dinh Huan, Dao Trung Thanh, Nguyen Truong Giang, Nguyen Thi Hoa, Nguyen Thi Thu Huyen and Phan Quang Van.	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Năm 2016

10	Water resources issues in Vietnam and proposed solutions for water resources protection	Lan Nguyen Minh, Kien Le Van, Tung Ta Thanh, Chi Ho Thi Kim, Nguyen Thi Hoa.	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Năm 2016
11	Current situation of water resources in lo-gam river basin and issues to resolve	Lan Nguyen Minh, Kien Le Van, Tung Ta Thanh, Chi Ho Thi Kim, Nguyen Thi Hoa.	Proceeding of the ESASGD 2016 Session: EMNR ISBN:978-604-76-1171-3	Năm 2016
12	Các tác động đến môi trường từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản. Hội thảo với chuyên gia Nhật Bản do Cục Kiểm soát ô nhiễm tổ chức tháng 6/2016	Đỗ Văn Bình	Trình bày tại hội thảo	2016

III. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC (*cao học, nghiên cứu sinh*)

TT	Tên luận văn, luận án	Tên học viên cao học, NCS/CBHD	Sản phẩm đề tài KHCN, mã số	Ghi chú
1	NGHIÊN CỨU CHẾ TẠO VẬT LIỆU NANO TITANDIOXIT BIẾN TÍNH, PHỦ TRÊN THAN HOẠT TÍNH ĐƯỢC CHẾ TẠO TỪ VỎ TRÁU ỨNG DỤNG XỬ LÝ CÁC HỢP CHẤT CỦA NITƠ TRONG NƯỚC THẢI	ĐINH THỊ HỒNG NHUNG	60.44.01.18	
2	Nghiên cứu khoan định vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất tỉnh Hải Dương	Nguyễn Kim Anh Hiền (Thạc sĩ) do GS.TSKH Trần Đình Thành và PGS.TS Đỗ Văn Bình hướng dẫn	Luận văn tốt nghiệp	12/2016

IV. CÁC KẾT QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG KHCN

+ Được giao chủ trì Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư Việt Nam – Cộng hòa liên bang Đức, thực hiện trong thời gian từ 2015 đến 2018. Nhiệm vụ thực hiện đúng tiến độ đề ra, kết quả đạt yêu cầu giai đoạn 2015-2016.

- + 01 đoàn chuyên gia quốc tế Nhật Bản thuộc trường đại học Saitama về vấn đề năng lượng sạch
- + 02 lượt đoàn chuyên Đức thuộc trường đại học TU Dresden với các vấn đề về tài nguyên môi trường Việt Nam khu vực tỉnh Hoà Bình.
- + 01 Đoàn chuyên gia Canada
- + 01 Đoàn chuyên gia Taiwan

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2016:

- Những thành công, kết quả đạt được:
Các cán bộ của Bộ môn đã nỗ lực tham gia thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu các cấp, tham gia thành công hội thảo quốc tế nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập trường.
- Những hạn chế:
 - Bộ môn chưa có nhiều đề tài nghiên cứu
 - Một số cán bộ còn hạn chế trong kỹ năng viết báo, xây dựng đề tài
- Nguyên nhân: Cán bộ giảng dạy có khối lượng giờ giảng nhiều, nhiều cán bộ đang là NCS nên thời gian khá hạn chế trong nghiên cứu và công bố.
- Giải pháp: Tăng cường kỹ năng, trình độ trong viết báo
- Xây dựng đề tài và dự án sản xuất
- Tăng cường viết giáo trình, bài giảng

VI. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017 (*đề tài NCKH, hợp đồng lao động sản xuất, hoạt động của các PTN tăng cường năng lực nghiên cứu, hội thảo, hội nghị, hợp tác quốc tế về NCKH, ...*)

- Tiếp tục triển khai 01 nhiệm vụ cấp nhà nước
- Triển khai 01 đề tài cấp cơ sở
- Tăng cường hoạt động của phòng thí nghiệm
- *hợp tác quốc tế về NCKH, ...*)
- Tổ chức hội thảo học thuật tại Bộ môn định kỳ hàng tháng toàn thể cán bộ tham gia trình bày.
- Tăng cường hợp tác khoa học với các đơn vị, các nhà khoa học trong và ngoài nước Đại học Bách khoa, đại học Khoa học tự nhiên, Viện khoa học Việt Nam ...
- Tham gia hội thảo tại Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, CHLB Đức
- Tăng cường các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất
- Cùng BCN khoa tổ chức trao đổi, hội thảo quốc tế phạm vi nhỏ (Khoa Môi trường)
- Tổ chức thành công HNKH SV năm 2017.

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2017-2020

Trong giai đoạn 2017 -2020, Khoa sẽ cố gắng chủ trì từ 03- 05 đề tài cấp cơ sở, Chủ trì 04 - 05 đề tài cấp bộ hoặc nhà nước, Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí cấp trường, quốc tế, hội thảo trong nước và quốc tế từ 35 đến 40 bài báo. Các định hướng chính của Khoa trong năm học tới cụ thể như sau:

- 5) Xây dựng và đánh giá môi trường chiến lược trong các dự án trọng điểm mà nhà nước đang quan tâm
- 6) Nghiên cứu phát triển mô hình dự báo và giải pháp phòng tránh, xử lý ô nhiễm do sự tự cháy của than
- 7) Nghiên cứu mô hình dự báo và phát triển phương pháp phòng tránh sụt lún bề mặt trong khai thác mỏ than hầm lò

- 8) Nghiên cứu xử lý các độc chất khó phân hủy trong môi trường đất, nước mặt, nước ngầm
- 9) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý bậc cao (màng lọc hoạt tính – active membrane, ôxy hóa nâng cao...) nhằm tái sử dụng nước
- 10) Phát triển, cải tiến quy trình công nghệ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ô nhiễm trong quá trình vận hành sản xuất ở các nhà máy, xí nghiệp công nghệ.
- 11) Nghiên cứu phát triển các giải pháp xử lý ô nhiễm dầu tràn trên biển và ven bờ
- 12) Nghiên cứu công nghệ phù hợp, kinh tế cho xử lý môi trường tại các vùng nông thôn, làng nghề
- 13) Nghiên cứu mức độ ô nhiễm và phát triển các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nước ngầm
- 14) Nghiên cứu phát triển các phương pháp dự báo, phòng tránh tai biến địa chất, rủi ro sạt lở bờ dốc
- 15) Xây dựng quy trình công nghệ xử lý, chôn lấp chất thải phóng xạ

VIII. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (về công tác tổ chức quản lý hoạt động KH&CN):

1. Đối với các Bộ, ngành:

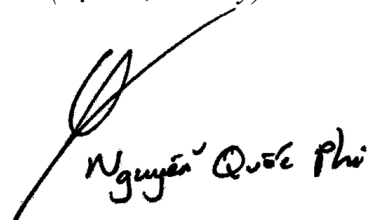
2. Đối với Nhà trường:

- Nhanh chóng xây dựng phòng thí nghiệm đạt chuẩn ngành Kỹ thuật Môi trường
- Xây dựng các bãi thực tập cho sinh viên ngành kỹ thuật môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp đang phát triển.
- Cải tiến tốt hơn nữa quy trình xét duyệt đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả và nhanh chóng

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2017

TM. BAN CHỦ NHIỆM KHOA

(họ tên, chữ ký)


Nguyễn Quốc Phi

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018
KHOA MÔI TRƯỜNG**

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1.1. Nhân lực khoa học

c- Tổng số cán bộ: 28 người, trong đó:

- GS.TS: 0
- PGS.TS: 3
- TS: 7
- ThS: 26
- Trình độ khác: 0

d- Số cán bộ tham gia hoạt động KHCN: 28 người/tổng số 30 cán bộ (không tính 04 cán bộ đang NCS ở nước ngoài), trong đó:

- Tham gia thực hiện đề tài, hợp đồng: 28/30 người/tổng số
- Tác giả của bài báo trên tạp chí quốc tế: 28/30 người/tổng số
- Tác giả của bài báo trên tạp chí trong nước: 28/30 người/tổng số
- Tác giả của bài báo khoa học tại Hội nghị, hội thảo: 28/30 người/tổng số
- Báo cáo sinh hoạt học thuật: 18/30 người/tổng số
- Tỷ lệ cán bộ tham gia hoạt động KHCN (đề tài, hợp đồng nghiên cứu, bài báo, báo cáo khoa học): 93,3%

1.2. Tiềm lực cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động KHCN (PTN, phần mềm có bản quyền, ...)

Khoa hiện có 01 phòng thí nghiệm Địa sinh thái-Địa Môi trường (tại tầng 3 nhà B2) phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, có truyền thống và kinh nghiệm trong hoạt động KHCN phục vụ sản xuất. Cán bộ đều có trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ, rất năng động, chịu khó tìm tòi học hỏi và tìm kiếm các hợp đồng KHCN, cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng trong nghiên cứu và giảng dạy.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NCKH - TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ (kèm theo phụ lục 1.6)

2.1. Kết quả thực hiện các đề tài, dự án các cấp (kèm theo phụ lục 1.1)

Năm 2017, Khoa Môi trường đã thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp cơ sở. Nhìn chung các đề tài đều đạt chất lượng Tốt. Tuy nhiên còn một số đề tài được thực hiện không đúng tiến độ, bị bảo vệ muộn. Nguyên nhân là do cán bộ nghiên cứu thiếu kinh nghiệm, số lượng công việc quá nhiều dẫn đến chưa sắp xếp được thời gian hợp lý. BCN Khoa sẽ chú ý đốc thúc các tác giả đề tài làm việc đúng tiến độ, tránh để xảy ra tình trạng này vào những năm sau.

2.2. Kết quả thực hiện các đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ phục vụ doanh nghiệp, địa phương (kèm theo phụ lục 1.2)

Năm 2017, Khoa Môi trường thực hiện được 05 đề tài/hợp đồng với các doanh nghiệp, địa phương. Các đề tài đa số đều là các hợp đồng tư vấn, lập báo cáo tác động môi trường.

Nhìn chung các đề tài đều đạt kết quả tốt. Tuy nhiên các đề tài này đều ký hợp đồng với công ty Codeco và các Trung tâm trong Trường chứ chưa có hợp đồng ký với các doanh nghiệp bên ngoài. Điều này chứng tỏ các Bộ môn chưa có tính năng động, chủ động tìm kiếm những hợp đồng với các doanh nghiệp bên ngoài. Năm 2018, các Bộ môn cần cố gắng khắc phục vấn đề này.

2.3. Các hoạt động KHCN khác (tổ chức các hội thảo chuyên đề; tham gia hội nghị, hội thảo, các công trình khoa học đã công bố, ...)

2.3.1. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề (kèm theo phụ lục 1.3)

Năm 2017, Khoa Môi trường không tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề nào. Tất cả chỉ dừng ở mức độ tham gia, phối hợp các hội thảo. Ngoài ra các Bộ môn cũng tổ chức những chuyên đề báo cáo học thuật tại Bộ môn và Khoa để cùng trao đổi công tác chuyên môn.

2.3.2. Các công trình khoa học đã công bố (kèm theo phụ lục 1.4)

Năm 2017, Khoa Môi trường đã xuất bản được 02 giáo trình, bài giảng phục vụ cho công tác và giảng dạy của Khoa và Bộ môn. Ngoài ra toàn Khoa đã có 01 bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế, 14 bài báo đăng trong tạp chí trong nước, 19 bài báo đăng trong các Hội nghị, Hội thảo Quốc tế. Đây là những thành tích có được do sự nỗ lực của các cán bộ trong Khoa, đặc biệt là các cán bộ trẻ đã không ngừng học hỏi, nghiên cứu

2.4. Những đóng góp của hoạt động KHCN cho công tác đào tạo (kèm theo phụ lục 1.5)

Năm 2017 Khoa Môi trường đã có 03 luận văn cao học gắn với hoạt động KHCN, 04 đồ án tốt nghiệp là sản phẩm của đề tài các cấp. Số lượng thấp là bởi Khoa chưa được đào tạo hệ Cao học nên chưa gắn được các đề tài của học viên với hoạt động nghiên cứu khoa học. Hiện Khoa đang hoàn thành thủ tục xin mở hệ đào tạo Thạc sỹ ngành Kỹ thuật môi trường, dự kiến 2018 có thể tuyển sinh. Trong thời gian tới, Khoa sẽ có thêm nhiều hoạt động KHCN cho công tác đào tạo

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU/NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

- Hiện giờ Khoa chưa hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh do số lượng cán bộ có đứng tên đầu các bài báo trong hệ thống ISI/Scopus chưa nhiều.
- Khả năng hình thành các nhóm nghiên cứu mới: Trong những năm tới, Khoa dự kiến sẽ hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh riêng của Khoa.
 - + Số lượng: 1-2 nhóm
 - + Thời gian thành lập dự kiến: 2019
 - + Những điểm thuận lợi/khó khăn để thành lập và đưa vào hoạt động: Khoa đã bắt đầu hình thành các nhóm nhà khoa học có cùng chuyên môn sâu.
 - + Đề xuất: Đề nghị Nhà trường tạo điều kiện hỗ trợ cho các Khoa mới thành lập về đề tài NCKH để nâng cao trình độ chuyên môn, làm cơ sở xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG KHCN

+ Được giao chủ trì Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư Việt Nam – Cộng hòa liên bang Đức, thực hiện trong thời gian từ 2015 đến 2018. Nhiệm vụ thực hiện đúng tiến độ đề ra, kết quả đạt yêu cầu giai đoạn 2016 - 2017.

+ Tham gia khóa học “Mining and Environmental Rehabilitation” được tổ chức tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất

+ Có 01 đoàn ra CHLB Đức thực hiện nhiệm vụ hợp tác Quốc tế theo đề tài Nghị định thư. Không có đoàn vào trong năm 2017

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2017:

- Những thành công, kết quả đạt được: Các cán bộ của Khoa đã nỗ lực tham gia thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu các cấp.

- Những hạn chế:

+ Khoa chưa có nhiều đề tài nghiên cứu

+ Một số cán bộ còn hạn chế trong kỹ năng viết báo, xây dựng đề tài

- Nguyên nhân: Cán bộ giảng dạy có khối lượng giờ giảng nhiều, nhiều cán bộ đang là NCS nên thời gian khá hạn chế trong nghiên cứu và công bố.

- Giải pháp:

+ Tăng cường kỹ năng, trình độ trong viết báo

+ Xây dựng đề tài và dự án sản xuất

+ Tăng cường viết giáo trình, bài giảng

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2018-2020

Trong giai đoạn 2018 -2020, Khoa sẽ cố gắng chủ trì từ 03- 05 đề tài cấp cơ sở, Chủ trì 04 - 05 đề tài cấp bộ hoặc nhà nước, Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí cấp trường, quốc tế, hội thảo trong nước và quốc tế từ 35 đến 40 bài báo. Các định hướng chính của Khoa trong năm học tới cụ thể như sau:

- 16) Xây dựng và đánh giá môi trường chiến lược trong các dự án trọng điểm mà nhà nước đang quan tâm
- 17) Nghiên cứu phát triển mô hình dự báo và giải pháp phòng tránh, xử lý ô nhiễm do sự tự cháy của than
- 18) Nghiên cứu mô hình dự báo và phát triển phương pháp phòng tránh sụt lún bề mặt trong khai thác mỏ than hầm lò
- 19) Nghiên cứu xử lý các độc chất khó phân hủy trong môi trường đất, nước mặt, nước ngầm
- 20) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý bậc cao (màng lọc hoạt tính – active membrane, ôxy hóa nâng cao...) nhằm tái sử dụng nước
- 21) Phát triển, cải tiến quy trình công nghệ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ô nhiễm trong quá trình vận hành sản xuất ở các nhà máy, xí nghiệp công nghệ.
- 22) Nghiên cứu phát triển các giải pháp xử lý ô nhiễm dầu tràn trên biển và ven bờ
- 23) Nghiên cứu công nghệ phù hợp, kinh tế cho xử lý môi trường tại các vùng nông thôn, làng nghề
- 24) Nghiên cứu mức độ ô nhiễm và phát triển các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nước ngầm
- 25) Nghiên cứu phát triển các phương pháp dự báo, phòng tránh tai biến địa chất, rủi ro sạt lở bờ dốc
- 26) Xây dựng quy trình công nghệ xử lý, chôn lấp chất thải phóng xạ

VII. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018 (đề tài NCKH, hợp đồng lao động sản xuất, hoạt động của các PTN tăng cường năng lực nghiên cứu, hội thảo, hội nghị, hợp tác quốc tế về NCKH, ...)

- Tiếp tục triển khai 01 nhiệm vụ cấp nhà nước
- Triển khai 02 đề tài cấp cơ sở

- Tăng cường hoạt động của phòng thí nghiệm
- *hợp tác quốc tế về NCKH, ...)*
- Tổ chức hội thảo học thuật tại Bộ môn định kỳ hàng tháng toàn thể cán bộ tham gia trình bày.
- Tăng cường hợp tác khoa học với các đơn vị, các nhà khoa học trong và ngoài nước Đại học Bách khoa, đại học Khoa học tự nhiên, Viện khoa học Việt Nam ...
- Tham gia hội thảo tại Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, CHLB Đức
- Tăng cường các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất
- Cùng BCN khoa tổ chức trao đổi, hội thảo quốc tế phạm vi nhỏ (Khoa Môi trường)
- Tổ chức thành công HNKH SV năm 2018.

VIII. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (*về công tác tổ chức quản lý hoạt động KHCN*):

3. Đối với các Bộ, ngành:

4. Đối với Nhà trường:

- Nhanh chóng xây dựng phòng thí nghiệm đạt chuẩn ngành Kỹ thuật Môi trường
- Xây dựng các bãi thực tập cho sinh viên ngành kỹ thuật môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp đang phát triển.
- Cải tiến tốt hơn nữa quy trình xét duyệt đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả và nhanh chóng

Hà Nội, ngày 5 tháng 01 năm 2018.

TRƯỞNG KHOA

(họ tên, chữ ký)


Đỗ Văn Bình

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2019
KHOA MÔI TRƯỜNG**

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Về Nhân lực khoa học của Khoa

e- *Tổng số cán bộ 33 trong đó nửa năm đầu ở Việt Nam là 29 người, đến tháng 10 năm 2019 là 31 người, trong đó:*

- GS.TS: 0
- PGS.TS: 3
- TS: 12
- ThS: 18
- Trình độ khác: 0

f- *Số cán bộ tham gia hoạt động KHCN: 28 người/tổng số 29 cán bộ (không tính 02 cán bộ đang NCS ở nước ngoài và 02 cán bộ văn phòng Khoa), trong đó: Số cán bộ tham gia hoạt động KHCN (đề tài, hợp đồng nghiên cứu, bài báo, báo cáo khoa học): 28 người, đạt 96.6 %*

1.2. Tiềm lực cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động KHCN (PTN, phần mềm có bản quyền, ...)

Khoa hiện có 01 phòng thí nghiệm Địa sinh thái-Địa Môi trường (tại tầng 3 nhà B2) phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, có truyền thống và kinh nghiệm trong hoạt động KHCN phục vụ sản xuất. Cán bộ đều có trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ, rất năng động, chịu khó tìm tòi học hỏi và tìm kiếm các hợp đồng KHCN, cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng trong nghiên cứu và giảng dạy. Phòng thí nghiệm hiện tại đáp ứng nhu cầu về phân tích, phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cho Khoa và các học viện cao học, NCS sắp tới (2019-2020).

VI. VỀ HOẠT ĐỘNG NCKH – TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ *(biểu tổng hợp phụ lục 1.6)*

1. Kết quả thực hiện các đề tài, dự án các cấp *(phụ lục 1.1)*

Năm 2018:

+ Khoa Môi trường tiếp tục thực hiện 01 đề tài KHCN hợp tác song phương theo Nghị định thư Việt – Đức;

+ Hoàn thành 01 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ do PGS.TS Đỗ Văn Bình chủ trì. Thời gian thực hiện từ 4/2017-3/2018. Nhiệm vụ đã hoàn thành và bảo vệ tại Bộ giáo dục và đào tạo.

+ Tháng 10 năm 2018, Khoa có thêm 03 đề tài cấp cơ sở (đợt bổ sung) do: NCS.ThS Đỗ Thị Hải, NCS.ThS Nguyễn Thị Cúc và TS. Nguyễn Hoàng Nam chủ trì. Hiện các đề tài này đang được thực hiện theo đúng tiến độ.

+ Tham gia đề tài với Bộ Tài nguyên môi trường, Viện Khoa học Địa chất và Địa vật lý biển (PGS.TS Đỗ Văn Bình).

2. Kết quả thực hiện các đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ phục vụ doanh nghiệp, địa phương *(phụ lục 1.2)*

Năm 2018, Khoa Môi trường thực hiện được 07 đề tài/hợp đồng với các doanh nghiệp, địa phương, trị giá 7234 triệu đồng.

+ Đề tài về nước khoáng Yên Bái do PGS.TS Đỗ Văn Bình đang thực hiện, ký về trung tâm thực hiện trong 2 năm với kinh phí 2900 tr đồng.

+ Đề tài về Tài nguyên nước Bắc Ninh do PGS.TS Đỗ Văn Bình chủ trì đã thực hiện xong kinh phí 260 triệu đồng.

+ Đề tài nước dưới đất khu Công nghiệp Nội Bài do PGS.TS Đỗ Văn Bình chủ trì (từ 2017 chuyển sang) đã hoàn thành nghiệm thu với tổng kinh phí 1100 tr đồng.

+ Đề tài Lập thiết kế cơ sở, dự án đầu tư; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo phục hồi môi trường; lập thiết kế kỹ thuật thi công mỏ vàng khu vực Nậm Kha Á, xã Mù Cả - xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu do PGS.TS Nguyễn Phương chủ trì đang được thực hiện với tổng kinh phí là 1753 tr đồng

+ Đề tài Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo phục hồi môi trường mỏ mangan Làng Bài, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang do các cán bộ BM MTCS ký về trung tâm với tổng kinh phí 339 tr đồng

+ Đề tài Lập dự án đầu tư xây dựng công trình và lập thiết kế kỹ thuật thi công khai thác than mỏ Ngọc Kinh, xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam do PGS.TS Nguyễn Phương chủ trì với tổng phí là 882 tr đồng

+ Các đề tài khác do các cán bộ trong Khoa ký hiện chưa thống kê đầy đủ như TS. Đỗ Văn Nhuận, TS. Nguyễn Quốc Phi, ThS Đỗ Cao Cường, TS. Trần Thị Thu Hương, ThS. Đỗ Thị Hải.

3. Đánh giá về chất lượng khoa học và hiệu quả, ý nghĩa phục vụ sản xuất của các đề tài, hợp đồng

Các đề tài đa số đều là các hợp đồng tư vấn, triển khai khai thác tài nguyên nước, lập báo cáo tác động môi trường. Nhìn chung các đề tài đều đạt kết quả tốt. Tuy nhiên các đề tài này đều ký hợp đồng với các Trung tâm trong Trường chứ chưa có hợp đồng ký với các doanh nghiệp bên ngoài. Điều này chứng tỏ các Bộ môn chưa có tính năng động, chủ động tìm kiếm những hợp đồng với các doanh nghiệp bên ngoài. Năm 2019, các Bộ môn cần cố gắng khắc phục vấn đề này.

4. Các hoạt động KHCN khác (tổ chức các hội thảo chuyên đề; tham gia hội nghị, hội thảo, các công trình khoa học đã công bố, ...)

4.1. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề (phụ lục 1.3)

Năm 2018, Khoa Môi trường phối hợp tổ chức và tham gia thành công 3 Hội thảo, hội nghị lớn là Hội nghị quốc tế VACI tháng 3/2018, Hội thảo giải pháp xanh cho nguồn nước (16/3/2018) và ERSD 2018 (12/2018) với số báo cáo ở 3 tiểu ban khoa Môi trường là 30. Đây là thành công và sự cố gắng lớn đáng ghi nhận của tập thể cán bộ trong khoa.

Ngoài ra các Bộ môn cũng tổ chức những chuyên đề báo cáo học thuật tại Bộ môn và Khoa để cùng trao đổi công tác chuyên môn. Bộ môn Địa sinh thái và CNMT đã tổ chức 01 buổi hội thảo chuyên đề ở Bộ môn (Phạm Khánh Huy, Đỗ Cao Cường, Đỗ Thị Hải và Trần Kim Hà). Bộ môn Môi trường cơ sở cũn tổ chức 0 buổi hội thảo chuyên đề ở Bộ môn (03 chuyên đề báo cáo của TS. Nguyễn Quốc Phi, ThS Nguyễn Văn Bình và ThS Vũ Thị Lan Anh.

4.2. Các công trình khoa học đã công bố (phụ lục 1.4)

4.2.1. Sách, giáo trình, bài giảng

Năm 2018, Khoa Môi trường đã xuất bản được 02 giáo trình, bài giảng phục vụ cho công tác và giảng dạy của Khoa và Bộ môn.

4.2.2. Bài báo khoa học

Ngoài ra toàn Khoa đã có 02 bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế, 13 bài báo đăng trong tạp chí trong nước

4.2.3. Báo cáo khoa học

Năm 2018, Khoa có 16 bài báo đăng trong các Hội nghị, Hội thảo Quốc tế, 30 bài báo đăng trong các Hội thảo, hội nghị trong nước

5. Những đóng góp của hoạt động KHCN cho công tác đào tạo (phụ lục 1.5)

1. Kết quả đào tạo sau đại học:

Năm 2018, Khoa Môi trường đã có 01 luận văn cao học gắn với hoạt động KHCN

Khoa Môi trường đã hoàn thành chương trình đào tạo cao học ngành Kỹ thuật môi trường và được phép tuyển sinh từ 2019, từ những năm sau, số lượng đề tài nghiên cứu sẽ tăng hơn.

2. Kết quả đào tạo đại học/Nghiên cứu khoa học sinh viên

Năm 2018, Khoa Môi trường đã hướng dẫn thành công 114 đề tài nghiên cứu khoa học làm đồ án tốt nghiệp cho sinh viên. Các sinh viên ra trường đã có công việc trong đó làm đúng chuyên môn đạt hơn 60%.

IV. CÁC KẾT QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG KHCN

+ Được giao chủ trì Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư Việt Nam – Cộng hòa liên bang Đức, thực hiện trong thời gian từ 2015 đến 2018. Nhiệm vụ thực hiện đúng tiến độ đề ra, kết quả đạt yêu cầu và tiến độ được giao.

+ Cả cán bộ và sinh viên đều nhiệt tình tham gia khóa học về Môi trường trong khai thác mỏ được tổ chức năm 2018 tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Tổng số có 6 cán bộ và sinh viên tham gia lớp học và đạt chứng chỉ về Cải tạo phục hồi môi trường.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2018:

- Những thành công, kết quả đạt được: Các cán bộ trong Khoa đã nỗ lực tham gia thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu các cấp.

- Những hạn chế:

+ Khoa chưa có nhiều đề tài nghiên cứu nên chưa có điều kiện thúc đẩy nâng cao năng lực khoa học và đời sống kinh tế cán bộ.

+ Một số cán bộ còn hạn chế trong kỹ năng viết báo, xây dựng đề tài

- Nguyên nhân: Cán bộ giảng dạy có khối lượng giờ giảng nhiều, nhiều cán bộ đang là NCS nên thời gian khá hạn chế trong nghiên cứu và công bố.

- Giải pháp:

+ Tăng cường kỹ năng, trình độ trong viết báo

+ Xây dựng đề tài và dự án sản xuất

+ Tăng cường viết giáo trình, bài giảng

VI. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2019 (đề tài NCKH, hợp đồng lao động sản xuất, hoạt động của các PTN tăng cường năng lực nghiên cứu, hội thảo, hội nghị, hợp tác quốc tế về NCKH, ...)

- Tiếp tục triển khai thêm 01 nhiệm vụ cấp nhà nước
- Triển khai 03 đề tài cấp cơ sở
- Tăng cường hoạt động của phòng thí nghiệm tăng cường năng lực Địa sinh thái-Địa môi trường
- *hợp tác quốc tế về NCKH, ...)*
- Khoa Môi trường là đồng tổ chức hội thảo khoa học với đại học UUM (Utra University of Malaysia) và đại học Songk-la (Thailand) vào tháng 6/2019.
- Tổ chức hội thảo học thuật tại Bộ môn định kỳ hàng tháng toàn thể cán bộ tham gia trình bày.
- Tăng cường hợp tác khoa học với các đơn vị, các nhà khoa học trong và ngoài nước Đại học Bách khoa, đại học Khoa học tự nhiên, Viện khoa học Việt Nam ...
- Tham gia hội thảo tại Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, CHLB Đức
- Tăng cường các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất
- Cùng BCN khoa tổ chức trao đổi, hội thảo quốc tế phạm vi nhỏ (Khoa Môi trường)
- Tổ chức thành công HNKH SV năm 2019.

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KH&CN ĐẾN NĂM 2020

Trong giai đoạn 2019 -2020, Khoa sẽ cố gắng chủ trì từ 03- 05 đề tài cấp cơ sở, Chủ trì 01 - 02 đề tài cấp bộ hoặc nhà nước, Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí cấp trường, quốc tế, hội thảo trong nước và quốc tế từ 35 đến 40 bài báo. Các định hướng chính của Khoa trong năm học tới cụ thể như sau:

- 27) Xây dựng và đánh giá môi trường chiến lược trong các dự án trọng điểm mà nhà nước đang quan tâm
- 28) Nghiên cứu phát triển mô hình dự báo và giải pháp phòng tránh, xử lý ô nhiễm do sự tự cháy của than
- 29) Nghiên cứu mô hình dự báo và phát triển phương pháp phòng tránh sụt lún bề mặt trong khai thác mỏ than hầm lò
- 30) Nghiên cứu xử lý các độc chất khó phân hủy trong môi trường đất, nước mặt, nước ngầm
- 31) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý bậc cao (màng lọc hoạt tính – active membrane, ôxy hóa nâng cao...) nhằm tái sử dụng nước
- 32) Phát triển, cải tiến quy trình công nghệ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ô nhiễm trong quá trình vận hành sản xuất ở các nhà máy, xí nghiệp công nghệ.
- 33) Nghiên cứu phát triển các giải pháp xử lý ô nhiễm dầu tràn trên biển và ven bờ
- 34) Nghiên cứu công nghệ phù hợp, kinh tế cho xử lý môi trường tại các vùng nông thôn, làng nghề
- 35) Nghiên cứu mức độ ô nhiễm và phát triển các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nước ngầm
- 36) Nghiên cứu phát triển các phương pháp dự báo, phòng tránh tai biến địa chất, rủi ro sạt lở bờ dốc
- 37) Xây dựng quy trình công nghệ xử lý, chôn lấp chất thải phóng xạ

VIII. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (về công tác tổ chức quản lý hoạt động KH&CN):

5. Đối với các Bộ, Ngành:

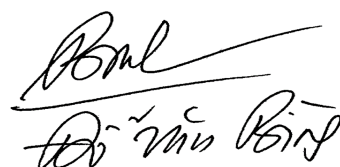
6. Đối với Nhà trường:

1. Chỉ đạo và hỗ trợ Khoa Môi trường nhanh chóng xây dựng phòng thí nghiệm đạt chuẩn ngành Kỹ thuật Môi trường, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, ứng dụng trong thực tế sản xuất.
2. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác để xây dựng các bãi thực tập cho sinh viên ngành kỹ thuật môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp đang phát triển.
3. Cải tiến tốt hơn nữa quy trình xét duyệt đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả và nhanh chóng

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

(họ tên, chữ ký)



BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2020 KHOA MÔI TRƯỜNG

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Về Nhân lực khoa học của Khoa

g- Tổng số cán bộ 32 người, trong đó:

- GS.TS: 0
- PGS.TS: 3
- TS: 12
- ThS: 17
- Trình độ khác: 0

h- Số cán bộ tham gia hoạt động KHCN: 29 người/tổng số 29 cán bộ (không tính 02 cán bộ đang NCS ở nước ngoài và 01 cán bộ văn phòng Khoa), chiếm tỷ lệ 100%

2. Tiềm lực cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động KHCN (PTN, phần mềm có bản quyền, ...)

Khoa hiện có 02 phòng thí nghiệm

1. Phòng Thí nghiệm Địa sinh thái-Địa Môi trường (tại tầng 3 nhà B2)
2. Phòng Thí nghiệm Kỹ thuật môi trường (tầng 2 nhà F)

Hai phòng Thí nghiệm này đều phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, hiện tại đáp ứng nhu cầu về phân tích, phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cho Khoa và các học viện cao học, NCS sắp tới (2019-2020).

Là Khoa có truyền thống và kinh nghiệm trong hoạt động KHCN phục vụ sản xuất. Cán bộ trong Khoa đều có trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ, rất năng động, chịu khó tìm tòi học hỏi và tìm kiếm các hợp đồng KHCN; có trình độ chuyên môn vững vàng trong nghiên cứu và giảng dạy.

VII. VỀ HOẠT ĐỘNG NCKH – TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ (biểu tổng hợp phụ lục 1.6)

1. Kết quả thực hiện các đề tài, dự án các cấp (phụ lục 1.1)

Trong năm 2019, Khoa Môi trường chủ trì và tham gia:

- Đề tài cấp Nhà nước: chủ trì 01 đề tài KHCN hợp tác song phương theo Nghị định thư Việt – Đức (PGS.TS Phan Quang Văn), tham gia 03 đề tài cấp Quốc gia (PGS.TS Nguyễn Phương, TS. Vũ Thị Phương Thảo).
- Đề tài cấp Tỉnh, Thành phố: Khoa chủ trì 02 đề tài và tham gia 05 đề tài cấp Tỉnh, thành phố và tương đương
- Đề tài cơ sở: thực hiện 07 đề tài cấp cơ sở trị giá 160 triệu đồng

2. Kết quả thực hiện các đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ phục vụ doanh nghiệp, địa phương (phụ lục 1.2)

Năm 2019, Khoa Môi trường thực hiện được 08 đề tài/hợp đồng với các doanh nghiệp, địa phương, trị giá 1052 triệu đồng.

3. Đánh giá về chất lượng khoa học và hiệu quả, ý nghĩa phục vụ sản xuất của các đề tài, hợp đồng

Các đề tài đa số đều là các hợp đồng tư vấn, triển khai khai thác tài nguyên nước, lập báo cáo tác động môi trường. Nhìn chung các đề tài đều đạt kết quả tốt. Tuy nhiên các đề tài này đều ký hợp đồng với các Trung tâm trong Trường chứ chưa có hợp đồng ký với các doanh nghiệp bên ngoài. Điều này chứng tỏ các Bộ môn chưa có tính năng động, chủ động tìm kiếm những hợp đồng với các doanh nghiệp bên ngoài. Năm 2020, các Bộ môn cần cố gắng khắc phục vấn đề này.

4. Các hoạt động KHCN khác (tổ chức các hội thảo chuyên đề; tham gia hội nghị, hội thảo, các công trình khoa học đã công bố, ...)

4.1. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề (phụ lục 1.3)

Năm 2019, Khoa Môi trường phối hợp tổ chức và tham gia thành công 10 Hội thảo, hội nghị lớn, nhất là Hội thảo Vietna International Water (VACCI) với 07 bài báo và báo cáo được trình bày tại Hội thảo và Hội nghị toàn quốc VietGeo 2019 “Địa kỹ thuật và xây dựng phục vụ phát triển bền vững” với 04 báo cáo được trình bày. Đây là thành công và sự cố gắng lớn đáng ghi nhận của tập thể cán bộ trong khoa.

Ngoài ra các Bộ môn cũng tổ chức những chuyên đề báo cáo học thuật tại Bộ môn và Khoa để cùng trao đổi công tác chuyên môn. Bộ môn Môi trường cơ sở có 07 báo cáo học thuật, bộ môn Địa sinh thái & CNMT có 11 báo cáo được thực hiện trong năm 2019, bộ môn Kỹ thuật môi trường có 05 báo cáo học thuật. Các cán bộ trong Khoa, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ luôn phát huy tinh thần học hỏi, trao đổi kinh nghiệm cũng như kiến thức chuyên môn.

4.2. Các công trình khoa học đã công bố (phụ lục 1.4)

4.2.1. Sách, giáo trình, bài giảng

Năm 2019, Khoa Môi trường đã xuất bản được 07 giáo trình và sách chuyên khảo phục vụ cho công tác và giảng dạy của Khoa và Bộ môn.

4.2.2. Bài báo khoa học

Khoa đã có 09 bài báo thuộc danh mục ISI, 02 bài báo quốc tế khác. Ngoài ra Khoa cũng có được 09 bài báo đăng trong tạp chí trong nước

4.2.3. Báo cáo khoa học

Năm 2019, Khoa có 19 bài báo đăng trong các Hội nghị, Hội thảo Quốc tế, 12 bài báo đăng trong các Hội thảo, hội nghị trong nước

5. Những đóng góp của hoạt động KHCN cho công tác đào tạo (phụ lục 1.5)

3. Kết quả đào tạo sau đại học:

Năm 2019, Khoa Môi trường không có luận văn cao học gắn với hoạt động KHCN. Năm 2020, dự kiến sẽ có 02 khóa cao học của Khoa thuộc ngành Kỹ thuật môi trường hoàn thành chương trình học (22 học viên), số lượng luận văn cao học gắn với hoạt động KHCN sẽ được tăng lên.

4. Kết quả đào tạo đại học/Nghiên cứu khoa học sinh viên

Năm 2019, Khoa Môi trường đã hướng dẫn thành công 10 luận văn tốt nghiệp của sinh viên gắn với các đề tài KHCN. Các sinh viên sau khi ra trường đều đã có công việc, trong đó làm đúng chuyên môn đạt hơn 60%.

IV. CÁC KẾT QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG KHCN

Được giao chủ trì Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư Việt Nam – Cộng hòa liên bang Đức, thực hiện trong thời gian từ 2015 đến 2019. Nhiệm vụ thực hiện đúng tiến độ đề ra, kết quả đạt yêu cầu và đã hoàn thành vào tháng 12/2019.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2019:

- Những thành công, kết quả đạt được: Các cán bộ trong Khoa đã nỗ lực tham gia thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu các cấp.

- Những hạn chế:

- Bài giảng Cao học còn chậm trễ khiến cho học viên khó khăn trong việc đăng ký môn học.

- Khoa chưa có nhiều đề tài nghiên cứu, số lượng các hợp đồng kinh tế cũng chưa nhiều, lại có trị giá hợp đồng thấp dẫn đến đời sống cán bộ chưa được nâng cao.

- Các đề tài, hợp đồng chỉ tập trung vào một số cán bộ, rất nhiều cán bộ chưa tham gia, chưa có đề tài NCKH hay hợp đồng sản xuất nào được ký về Trường

- Nguyên nhân:

- Một số cán bộ kỹ năng viết bài, xây dựng đề tài còn hạn chế
- Nhiều cán bộ đang là NCS nên thời gian khá hạn chế
- Cán bộ trẻ nên kinh nghiệm và quan hệ chưa tốt
- Ít giờ dạy nên kinh nghiệm cọ xát chưa nhiều

- Giải pháp:

- Tăng cường kỹ năng, trình độ trong viết báo
- Xây dựng đề tài và dự án sản xuất
- Tăng cường viết giáo trình, bài giảng
- Tăng cường quan hệ, tăng cường công tác tuyển sinh

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KH&CN ĐẾN NĂM 2025 (*đề tài NCKH, hợp đồng lao động sản xuất, hoạt động của các PTN tăng cường năng lực nghiên cứu, hội thảo, hội nghị, hợp tác quốc tế về NCKH, ...*)

Các định hướng chính của Khoa trong những năm tới cụ thể như sau:

- 38) Xây dựng và đánh giá môi trường chiến lược trong các dự án trọng điểm mà nhà nước đang quan tâm
- 39) Nghiên cứu phát triển mô hình dự báo và giải pháp phòng tránh, xử lý ô nhiễm do sự tự cháy của than
- 40) Nghiên cứu mô hình dự báo và phát triển phương pháp phòng tránh sụt lún bề mặt trong khai thác mỏ than hầm lò
- 41) Nghiên cứu xử lý các độc chất khó phân hủy trong môi trường đất, nước mặt, nước ngầm
- 42) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý bậc cao (màng lọc hoạt tính – active membrane, ôxy hóa nâng cao...) nhằm tái sử dụng nước
- 43) Phát triển, cải tiến quy trình công nghệ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ô nhiễm trong quá trình vận hành sản xuất ở các nhà máy, xí nghiệp công nghệ.
- 44) Nghiên cứu phát triển các giải pháp xử lý ô nhiễm dầu tràn trên biển và ven bờ
- 45) Nghiên cứu công nghệ phù hợp, kinh tế cho xử lý môi trường tại các vùng nông thôn, làng nghề

- 46) Nghiên cứu mức độ ô nhiễm và phát triển các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nước ngầm
- 47) Nghiên cứu phát triển các phương pháp dự báo, phòng tránh tai biến địa chất, rủi ro sạt lở bờ dốc
- 48) Xây dựng quy trình công nghệ xử lý, chôn lấp chất thải phóng xạ

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2020

Trong năm 2020, Khoa Môi trường sẽ thực hiện những hoạt động sau:

1. Tổ chức thành công Hội thảo nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập khoa Môi trường (dự kiến tổ chức tháng 03/2020)
2. Hoàn thành 02 đề tài cơ sở bổ sung của 2019
3. Triển khai thêm ít nhất 03 đề tài cấp cơ sở
4. Tăng cường hoạt động của phòng thí nghiệm tăng cường năng lực Địa sinh thái-Địa môi trường
5. Tiếp tục hướng dẫn sinh viên 15 đề tài nghiên cứu khoa học năm 2020 và 02 đề tài Rosneft 2020
6. Tổ chức thành công HNKH SV năm 2020.
7. Tăng cường hướng dẫn các đề tài tốt nghiệp gắn với hoạt động KHCN cho sinh viên và học viên cao học
8. Tổ chức hội thảo học thuật tại Bộ môn định kỳ hàng tháng toàn thể cán bộ tham gia trình bày.
9. Tăng cường hợp tác khoa học với các đơn vị, các nhà khoa học trong và ngoài nước Đại học Bách khoa, đại học Khoa học tự nhiên, Viện khoa học Việt Nam ...
10. Tham gia hội thảo tại Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, CHLB Đức
11. Tăng cường các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất

VIII. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (về công tác tổ chức quản lý hoạt động KH&CN):

7. Đối với các Bộ, Ngành:

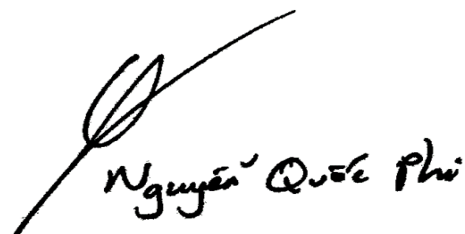
8. Đối với Nhà trường:

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác để xây dựng các bãi thực tập cho sinh viên ngành kỹ thuật môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp đang phát triển.
- Cải tiến tốt hơn nữa quy trình xét duyệt đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả và nhanh chóng
- Tổ chức những khóa học về việc hướng dẫn cán bộ nghiên cứu khoa học, xây dựng đề tài

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2020

T/L. TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Quốc Phi